**TÌM HIỂU VỀ CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG – WELLBEING INDEX (WI)**

**Đỗ Văn Tính**

Rất khó để đo lường tác động lâu dài của mất đa dạng sinh học và suy giảm cung cấp dịch vụ hệ sinh thái. Trong khi chúng ta biết rằng tổng số lỗ của các dịch vụ này có nghĩa là kết thúc của sự sống trên Trái đất, ở một mức độ thực tế hơn, đó cũng là mối quan tâm rằng bất kỳ tổn thất của các dịch vụ hệ sinh thái sẽ có ảnh hưởng đến hạnh phúc của chúng ta. Thật không may, chúng ta chưa đánh giá đầy đủ các dịch vụ về mặt kinh tế và chúng ta không hiểu sự đánh đổi mà chúng tôi đang làm khi cho phép lợi ích kinh tế không kiềm chế mà không cần kết hợp vấn đề xã hội và môi trường.

Chính vì vậy, vào năm 2001, Prescott-Allen đã đề xuất một phương pháp mới để đánh giá sự bền vững của các quốc gia, đánh giá bằng chỉ số chất lượng cuộc sống. Ông đã đưa ra nhận định rằng: “ no country knows how to be green without going into the red”. Cũng theo tác giả, các quốc gia với mức sống cao đã tạo ra những sức ép lớn lên môi trường, trong khi các quốc gia với mức sống thấp thì dựa vào hệ sinh thái ít hơn.

An sinh có cách đánh giá khác với các phương pháp khác trong việc đánh giá tính bền vững: nó tập trung vào con người và chất lượng của hệ sinh thái, và nó sử dụng một Phong vũ biểu của phát triển bền vững - một quy mô hiệu năng đồ họa - tổng hợp một tập hợp toàn diện các chỉ tiêu vào HWI , EWI, WI và WSI.

Phương pháp đánh giá An sinh đã được phát triển và thử nghiệm với sự hỗ trợ của IUCN - Tổ chức và bảo tồn thế giới Canada 'S Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Phát triển (IDRC). Nó bắt đầu như một sự tổng hợp của Phong vũ biểu của phương pháp bền vững Robert Prescott-Allen, và đánh giá phương pháp tiếp cận xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Alejandro Imbach (Costa Rica), Diana Lee-Smith (Kenya), và Tony Hodge, (Giám đốc, Chương trình Bắc Mỹ, khai thác mỏ khoáng sản và phát triển bền vững)

**Mục đích, ý nghĩa, cách tính chỉ số WI.**

*Mục đích.* Trong tất cả các phân tích cấp độ toàn cầu, chỉ số chất lượng cuộc sống (Prescott- Allen, 2001) cung cấp một trong những hình ảnh toàn diện nhất của cả hai mặt là: con người và sức khỏe hệ sinh thái. Chỉ số đời sống con người (HWI) đo lường sự tiến bộ hướng tới một mục tiêu an sinh của con người trong khi chỉ số chất lượng hệ sinh thái (EWI) đo lường sự tiến bộ đến mục tiêu an sinh của hệ sinh thái. Chỉ số được đo bằng một quy mô - xấu, nghèo, công bằng, trung bình và tốt - mô tả hiệu suất tổng thể của đất nước đối với các chỉ số chính; Chỉ số tiêu chuẩn về chất lượng của cuộc sống bao gồm không chỉ về thu nhập, sự giàu có và việc làm, mà còn là môi trường xã hội, môi trường sống, sức khỏe và tinh thần, giáo dục, giải trí và cuộc sống riêng tư.

*Ý nghĩa.* Đánh giá An sinh là một phương pháp đánh giá tính bền vững. Nó cung cấp một cách có hệ thống và minh bạch: quyết định các tính năng chính của con người và chất lượng hệ sinh thái được đo lựa chọn các chỉ số đại diện nhất của những tính năng kết hợp các chỉ số thành bốn chỉ số: Đời sống con người (HWI), chất lượng hệ sinh thái (EWI), chất lượn cuộc sống (WI), và An sinh / Căng thẳng (WSI) - tỷ lệ của hạnh phúc con người và hệ sinh thái trên căng thẳng. Bốn chỉ số đã cung cấp một phép đo của sự phát triển bền vững; Là các biện pháp toàn diện về chất lượng cuộc sống và môi trường. Nếu ví chỉ số đời sống con người (HWI) là lòng đỏ trứng thì chỉ số hệ sinh thái an sinh là lòng trắng trứng và chỉ số chất lượng cuộc sống là giao điểm của 2 chỉ số HWI và EWI. Nó cho thấy sự kết hợp giữa phúc lợi của con người và môi trường để tạo nên sự bền vững.

**Cách tính chỉ số.**

Chỉ số chất lượng cuộc sống đánh giá chất lượng của 180 nước gồm 35 nước châu Mỹ, 53 nước châu Phi, 37 nước châu Âu, 55 nước châu Á thái bình dương. Theo đó:

-  Human wellbeing (đời sống con người): là điều kiện mà trong đó tất cả các thành phần của xã hội có khả năng quyết định và đáp ứng nhu cầu của họ cũng như có những sự lựa chọn để đáp ứng tiềm năng của bản thân.

-  Ecosystem wellbeing (chất lượng hệ sinh thái): là điều kiện mà trong đó hệ sinh thái duy trì được tính đa dạng và chất lượng của nó, khả năng hỗ trợ cho con người và phần còn lại của cuộc sống, tiềm năng của nó để đáp ứng những thay đổi và cung cấp nhiều sự lựa chọn cũng như cơ hội trong tương lai.

Chỉ số chất lượng cuộc sống là kết hợp 2 chỉ số: chỉ số đời sống con người (HWI) và chỉ số hệ sinh thái an sinh (EWI). Theo đó ,chỉ số chất lượng cuộc sống (WI) là trung bình cộng của chỉ số đời sống con người (HWI) và chỉ số hệ sinh thái (EWI). WI = (HWI + EWI)/2

Các chỉ số HWI và EWI lần lượt bao gồm năm chỉ số phụ. Chỉ số HWI bao gồm chỉ số về sức khỏe và dân số, sự thịnh vượng, kiến thức và văn hóa, cộng đồng, công bằng; Chỉ số EWI bao gồm các chỉ số đối với đất, nước, không khí, các loài và gen cũng như các nguồn tài nguyên sử dụng.

**Chỉ số đời sống con người (HWI)**

Gồm 36 chỉ số thành phần, HWI nhằm đưa ra một bức tranh thực tế về kinh tế xã hội hơn các chỉ số thông thường khác như GDP hay HDI. Chỉ số này là mức trung bình đơn giản của giá trị 5 khía cạnh là:

+ Sức khỏe và dân số. Làm thế nào để con người có 1 cuộc sống khỏe mạnh lâu dài (1 chỉ số). Sự ổn định của quy mô dân số (1chỉ số).

+ Sự giàu có. Làm thế nào để luôn được đáp ứng nhu cầu về thu nhập, thực phẩm, nước sạch và vệ sinh (6 chỉ số). Các vấn đề và điều kiện của nền kinh tế quốc gia, bao gồm lạm phát, thất nghiệp và gánh nặng nợ nần (8 chỉ số)  
+ Kiến thức và văn hóa. Giáo dục (tiểu học, trung học, tỷ lệ nhập học trường đại học) và thông tin liên lạc (khả năng tiếp cận, độ tin cậy của hệ thống điện thoại và sử dụng Internet) 6 chỉ số.

+ Cộng đồng. Sự tự do và thống trị (các vấn đề về quyền chính trị, quyền tự do dân sự, tự do báo chí, và tham nhũng) – 4 chỉ số , sự hòa bình (chi phí quân sự và tử vong do các cuộc xung đột vũ trang hay khủng bố) – 2 chỉ số. Tỷ lệ tội phạm bạo lực - 4 chỉ số.

+ Công bằng: vốn chủ sở hữu Hộ gia đình: sự khác biệt trong phần thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất trong dân số- 1 chỉ số . Bình đẳng giới: sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong thu nhập, giáo dục, và đưa ra quyết định ở quốc hội – 3 chỉ số.

**Hệ sinh thái An sinh Index (EWI)**

chỉ số EWI được xây dựng dựa trên 51 chỉ số thành phần về môi trường với mục đích trở thành một chỉ số đo lường rộng hơn các chỉ số khác như dấu ấn sinh thái EF hay EPI

+ Đất. Mức độ bảo tồn sự đa dạng của hệ sinh thái đất tự nhiên – 4 chỉ số. duy trì chất lượng của các hệ sinh thái – 1 chỉ số.

+ Nước. việc xây đập trên các con sông – 2 chỉ số . Chất lượng nước của lưu vực – 17 chỉ số. Nước rút như là một tỷ lệ phần trăm của các quốc gia cung cấp từ mưa – 1 chỉ số

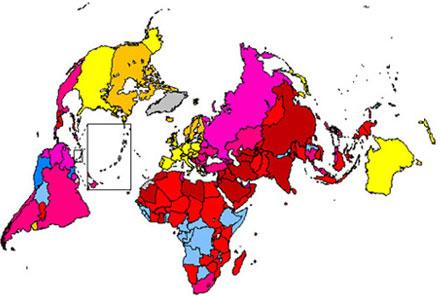
+ Không khí. Phát thải khí nhà kính và các chất làm suy giảm tầng ozone trong khí quyển toàn cầu – 2 chỉ số. Chất lượng không khí thành phố - 9 chỉ số.

+ Loài và gen. Mức độ bảo tồn các loài động vật hoang dã ( động vật có vú, chim, loài lưỡng cư,bò sát, và các loài thực vật ) – 2 chỉ số . sự đa dạng của giống vật nuôi thuần hóa – 2 chỉ số.

+ Sử dụng tài nguyên. Mức tiêu thụ năng lượng của mỗi quốc gia – 2 chỉ số. Nhu cầu sản xuất nông nghiệp , đánh bắt cá, và gỗ dựa trên các nguồn lực – 9 chỉ số.

**Tổng quan về chỉ số WI của thế giới và một số nước, so sánh với Việt Nam:**

180 nước được khảo sát trong “An sinh của các quốc gia” được nhóm lại thành: thâm hụt hệ sinh thái, thâm hụt của con người, và các quốc gia thâm hụt kép.



\* Hệ sinh thái thâm hụt (nhóm màu vàng) = Chỉ số HWI tốt hoặc công bằng và trung bình, nghèo hay xấu về chỉ số EWI.

\* Thâm hụt nhân lực (nhóm màu xanh) = EWI công bằng và trung bình, nghèo, hay xấu HWI. \* Thâm hụt kép (nhóm màu đỏ) = cả hai WHI và EWI đều là trung bình, nghèo hay xấu.

\* Quốc gia trong màu xám đã không được khảo sát.

Hai phần ba dân số thế giới sống ở các nước có chỉ số HWI nghèo hay xấu. Ít hơn một phần sáu sống ở những nước có HWI công bằng hoặc tốt. Sự chênh lệch giữa các nước tốt nhất và tồi tệ nhất là rất lớn : chỉ số HWI trung bình trên 10% của các nước là gần tám lần so với dưới 10 %

• Suy thoái môi trường là phổ biến. Các quốc gia có chỉ số EWI nghèo hay xấu bao gồm gần một nửa ( 48%) của bề mặt Trái đất. Nước có EWI công bằng chiếm ít hơn 9%. Không có một nước nào có EWI tốt.

Kết hợp và so sánh con người và an sinh hệ sinh thái dẫn đến một kết luận rõ ràng: không có nước đã đạt được hoặc gần bền vững.

• Ngay cả những nước hàng đầu về chỉ số chất lượng cuộc sống như Thụy Điển , Phần Lan, Na Uy , Iceland và Áo cũng là " thâm hụt hệ sinh thái" nước , đạt tiêu chuẩn tiên tiến của họ sống tại các chi phí của môi trường . 32 nước khác trong nhóm này bao gồm Canada và Thụy Sĩ (cả hai đều xếp thứ 7 tổng thể ), Đức ( 13 ), Úc ( 18 ), Nhật Bản ( 24 ), Hoa Kỳ ( 27 ), Ý ( 28 ), Pháp ( 29 ), và Vương quốc Anh ( 33 );

• 27 quốc gia là thâm hụt con người (hầu hết trong số đó ở châu Phi ) làm cho nhu cầu khá thấp trên các hệ sinh thái , nhưng là nghèo nhất ;

• 116 quốc gia còn lại là " thâm hụt kép ", kết hợp hiệu suất môi trường yếu kém và phát triển không đầy đủ. Các nước tồi tệ nhất là Afghanistan , Syria và Iraq..

• Tăng phúc lợi của con người không nhất thiết dẫn đến thiệt hại lớn hơn đối với môi trường

Việt nam xếp thứ 110/180 ( WI: 38,5, HWI: 28, EWI: 49) . Nhìn chung các chỉ số của Việt Nam còn khá thấp

*Việt Nam so với các nước công nghiệp mới (Nhật Bản và Hàn Quốc)*

Dựa vào bảng số liệu ta thấy chỉ số WI của Nhật Bản và Hàn Quốc khá cao so với Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do HWI của 2 nước này cao hơn nhiều so với Việt Nam (gấp gần 3 lần Việt Nam) . HWI có liên quan đến sức khỏe và dân số, sự thịnh vượng, giáo dục, công bằng, các chính sách của Chính phủ....Như chúng ta đã biết, Nhật Bản và Hàn Quốc là 2 nước phát triển với chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao. Ngoài phát triển kinh tế thì chính phủ của Hàn Quốc và Nhật bản cũng rất chú trọng đến đời sống của người dân như công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo... Một điểm nổi bật nữa là cả 2 quốc gia này đều có thu nhập ở mức rất cao ( Năm 2012 : Nhật Bản xếp thứ 37 với 34300 USD, Hàn Quốc xếp thứ 40 với 31700 USD), cơ sở hạ tầng rất phát triển...

Tuy nhiên, chỉ số EWI của Việt Nam lại cao hơn so với Nhật Bản và Hàn Quốc. Một phần là do Việt Nam có một vị trí địa lí thuận lợi, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều loại tài nguyên thiên nhiên, sự đa dạng về các loài động, thực vật. Việt Nam đã tận dụng những lợi thế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên này để phát triển các ngành như nông, lâm nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Ngược lại, cả Hàn Quốc và Nhật Bản là 2 nước nghèo về tài nguyên thiên nhiên.

Mặc dù chỉ số EWI của Việt Nam cao hơn cả Nhật Bản và Hàn Quốc nhưng tính trung bình cộng cả 2 chỉ số HWI và EWI thì WI của Việt Nam vẫn rất thấp so với 2 nước này.

*Việt Nam so với các nước Bắc Âu.*

Chỉ số WI của tất cả các nước Bắc Âu đều cao hơn Việt Nam. Đây là những nước dẫn đầu trong bẳng xếp hạng WI năm 2001 với chỉ số HWI khá cao. Có sự khác biệt rõ rệt giữa Việt Nam và nhóm các nước Bắc Âu về chỉ số WI là do:

- Về kinh tế, Các nước Bắc Âu đều là những nước có nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người cao: Thu nhập bình quân đầu người năm 2012, Nauy xếp thứ 7 với 53300 USD, Thụy điển xếp thứ 20 với 40600 $, Đan mạch xếp thứ 22 với 40200$, Phần lan xếp thứ 25 với 38300 $. Còn Việt Nam xếp thứ 166 với 3300$

- Về xã hội, Các nước Bắc Âu chi tiêu cho phúc lợi, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường rất lớn. Người dân trong các nước Bắc Âu được sống trong một môi trường có nền giáo dục tương đối tốt so với các nước khác trên thế giới, sức khỏe của người dân được chăm sóc và cải thiện. Bên cạnh đó, tình hình chính trị ở các nước này khá ổn định, không hay xảy ra các cuộc bạo động hay khủng bố.

HDI: năm 2019 Nauy xếp thứ 1 , thụy điển (8) , Đan mạch (15) , phần lan (21). Tuy nhiên, chỉ số EWI của Việt Nam lại cao hơn các nước Bắc Âu. Ngoại trừ Thụy Điển là nước cũng có nhiều tài nguyên thiên nhiên thì các nước Bắc Âu khác đều rất han khiếm về tài nguyên. Các nước Bắc Âu có mức sống cao dựa trên cơ sở khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lí để phát triển kinh tế đạt hiệu quả

*Việt Nam so với các nước ASEAN.*

Chỉ số WI của các nước trong nhóm ASEAN không có sự chênh lệch nhiều, ngoại trừ Singapore xếp thứ 43, vị trí tương đối cao. Singapore là nước phát triển, được mệnh danh là 1 trong 4 con rồng Châu Á, có thu nhập ở mức cao, đời sống của người dân cao. Các lĩnh vực như y tế, giáo dục ở Singapore đều rất tiên tiến và phát triển.

*Việt Nam so với Trung Quốc:*

Dựa vào đồ thị ta có thể nhận thấy rằng, chỉ số WI của Việt Nam cao hơn Trung Quốc chủ yếu là do chỉ số EWI của Việt Nam cao hơn Trung Quốc.

**Thuận lợi và khó khăn đối với Việt Nam:**

+Thuận lợi: Nền kinh tế cũng có nhưng chuyển bến tích cực, tuy chưa rõ nét. Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển bền vững. Chỉ số phát triển có sự thay đổi trong những năm trở lại đây tuy vẫn không được ổn đinh. Việt Nam là nước có tiềm năng phát triển kinh tế, các vấn đề về chính ssch phúc lợi xã hội cũng đang được cải thiện.

+Khó khăn: Mức thu nhập của Việt Nam ở mức thu nhập trung bình đạt khoảng 1960 USD năm 2013. Thu nhập thấp dẫn đến việc không đáp ứng được các nhu cầu vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe. Chỉ số HDI của Việt Nam năm 2019 tụt lại đằng sau, hạng 127, đẩy VN vào nhóm có chỉ số kết quả giáo dục lại kém hơn. Chi tiêu công cho y tế của Việt Nam thì thấp

số HDI trung bình dưới. Báo cáo đưa ra những con số đáng chú ý như tỉ lệ trẻ còi xương và suy dinh dưỡng, tỉ lệ tử vong bà mẹ ở nông thôn và miền núi cao hơn các vùng khác, chỉ 40% trẻ em miền núi đi học mầm non, chỉ gần 60% nhóm hộ nghèo nhất nhập học trung học cơ sở, trong khi đến bậc đại học chỉ còn chưa đến 1%...

Báo cáo nhận thấy chi tiêu công cho giáo dục của Việt Nam tương đương với các nước trong khu vực, nhưng, biểu hiện ở số năm đi học thấp hơn hầu hết các nước. Ở cả hai lĩnh vực, chi tiêu từ tiền túi của người dân vẫn chiếm phần lớn và là gánh nặng đáng kể cho các hộ gia đình có thu nhập thấp và trung bình. Ngoài ra còn phải kể để lạm phát tăng cao, kinh tế khó khăn của VN trong những năm qua làm giảm chỉ số tăng trưởng HDI. Mặt khắc, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng do phát triển công nghiệp theo hướng không bền vững.

**Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường**

*Về kinh tế.* Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2030 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2020; GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả. Tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỉ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội. Yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng đạt khoảng 35%; giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 2,5 - 3%/năm. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực. Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

*Về văn hóa, xã hội.* Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh. Đến năm 2020, chỉ số

phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức khoảng 1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sĩ và 26 giường bệnh trên một vạn dân , thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; lao động qua đào tạo đạt trên 70%, đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm; phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được bảo đảm. Thu nhập thực tế của dân cư gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2030; thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các vùng và nhóm dân cư. Xoá nhà ở đơn sơ, tỉ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%, bình quân 25m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật.

*Về môi trường.* Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt 45%. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

***Tài liệu tham khảo:***

Briguglio(1993). The Economic Vulnerabilities of Small Island Developing States by CARICOM for the Regional Technical Meeting of the Global Conference on the Sustainable Development of Small Island Developing States, Port of Spain, Trinidad and Tobago.

Briguglio (1995). The Vulnerability index and small island developing states a review of conceptual and methodological issues. University of Malta, Msida, MSD06, Malta.

Brundtland (1987). Report of the World Commission on Environment and Development Our common Future. http://conspect.nl/pdf/Our\_Common\_Future-Brundtland\_Report\_1987.pdf.